

VỀ CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT

Chu Thị Trang Vân

Trong khoa học lý luận chung về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật (sau này được gọi là cơ chế ĐCPL) là một vấn đề phức tạp và còn ít các công trình nghiên cứu khoa học đề cập đến. Nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật, chúng ta đã biết đến pháp luật với tư cách là những quy phạm pháp luật, những khuôn mẫu cho do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, mà nội dung thể hiện ý chí và lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội. Pháp luật còn có giá trị xã hội bên cạnh bản chất giai cấp của mình. Tuy nhiên, pháp luật có cuộc sống thực sự như thế nào, được nhà nước sử dụng ra sao để thực hiện việc quản lý và phục vụ của mình đối với xã hội... là những nội dung ít được nghiên cứu sâu trong khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Trong khi đó, từ phương diện là những công dân tuân thủ pháp luật, người dân ít có điều kiện tiếp xúc với văn bản pháp luật. Nói cách khác, họ quan tâm đến nhà nước và pháp luật ở những hoạt động cụ thể, sự tận tâm của công chức nhà nước khi phục vụ nhân dân, sự nghiêm khắc xử lý của Tòa án với những hành vi vi phạm, sự trong sạch của môi trường sống... Và họ cho rằng đó là một xã hội, một cuộc sống có pháp luật. Đến đây, có thể nhận thấy rõ ràng là sự tác động của pháp luật đến cuộc sống của cộng đồng được vận hành theo một quy trình “động” mà chúng ta có thể nhận biết được từng khâu, từng giai đoạn của quy trình này. Không có pháp luật thì cũng chẳng có cơ sở để xử lý các vi phạm nhưng có pháp luật mà những con người trong một bộ máy nhà nước không nghiêm chỉnh thực thi thì cũng không tạo ra được một bộ máy nhà nước trong sạch bởi pháp chế không được

tuân thủ. Còn đối với người dân, nếu như mỗi người trong số họ có ý thức pháp luật, biết đúng, sai trong mỗi hành động, sử xử, biết lựa chọn những phương án đúng, hợp tình, hợp lý thì có lẽ những văn bản pháp luật để xử lý vi phạm cũng mãi mãi chỉ “nằm trên giấy” mà thôi.

1. Bản thân pháp luật không thể trực tiếp làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt sự tồn tại của các quan hệ xã hội, bởi các quan hệ xã hội tồn tại một cách khách quan. Điều đó có nghĩa là dù có hay không (hoặc chưa) có pháp luật thì quan hệ xã hội giữa con người với con người vẫn tồn tại. Những muốn cho quan hệ đó vận động và phát triển theo hướng phù hợp với lợi ích của bản thân các chủ thể trong cuộc và của Nhà nước thì bằng pháp luật, Nhà nước chỉ có thể đưa các quan hệ xã hội đó vào trật tự thông qua việc gây ảnh hưởng đến ý thức của những người tham gia các quan hệ xã hội, điều chỉnh và quy tắc cho hành động, xử sự của họ. Các quy tắc xử sự đã làm chức năng điều chỉnh hành vi của các chủ thể pháp luật.

Mặt khác, để có thể tồn tại được, mọi thiết chế nhà nước và xã hội phải được tồn tại trên nền tảng có tính chuẩn mực và ổn định, thể hiện lợi ích tiến bộ của xã hội. Nền tảng chuẩn mực đó chính là pháp luật. Điều 12 Hiến Pháp Việt Nam 1992 quy định: “*Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN*”. Ở đây, ta thấy rõ pháp luật chính là hình thức tổ chức, là nền tảng của xã hội và của Nhà nước. Pháp luật là phương pháp hoạt động cơ bản, phương thức tồn tại của Nhà nước. Nhà nước dựa vào pháp luật để thông qua đó thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của

minh. Không thể nói đến hoạt động tổ chức của Nhà nước nếu không nói đến pháp luật. Hoạt động tổ chức của nhà nước gắn liền với việc điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng pháp luật.

Vậy khi nói đến vấn đề ĐCPL, tức là chúng ta đề cập đến việc nhà nước - chủ thể điều chỉnh, sử dụng pháp luật để tác động lên đối tượng điều chỉnh của mình là các quan hệ xã hội. Do vậy có thể hiểu ĐCPL là quá trình tác động có tổ chức, mang tính qui phạm của nhà nước đối với những quan hệ xã hội thông qua hành vi của các chủ thể nhằm đạt được những mục đích nhất định.

Theo từ điển Bách khoa Việt Nam, ĐCPL là “việc nhà nước dùng pháp luật, dựa vào pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội, tác động theo những hướng nhất định vào các quan hệ xã hội. Điều chỉnh pháp luật là hoạt động của nhà nước thể hiện trong việc định ra luật, ban hành luật pháp để đáp ứng nhu cầu mà pháp luật cần điều chỉnh” [5, tr.783]. Đặc điểm của ĐCPL là sự tác động trực tiếp bằng pháp luật của nhà nước vào hành vi của con người trong các quan hệ xã hội theo những hướng nhất định. Ở đây, chủ thể ĐCPL là nhà nước với hoạt động xây dựng pháp luật và khách thể là những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật. Đây là phương pháp chủ yếu và phổ biến để nhà nước quản lý xã hội, đưa các quá trình xã hội vào những trật tự và trình tự nhất định trên cơ sở các điều kiện khách quan và chủ quan.

Trên cơ sở lý luận, chúng ta đã biết đến một số vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật. Tuy nhiên đây chỉ là việc chúng ta nghiên cứu pháp luật ở trạng thái tĩnh. Trong thực tế, pháp luật cũng như những sự vật, hiện tượng khác, có cuộc sống riêng của mình. Pháp luật vận động và phát triển không ngừng và hiện hữu xung quanh cuộc

sống của chúng ta. Đã đến lúc chúng ta cần nghiên cứu, tiếp cận pháp luật một cách đầy đủ hơn, toàn diện hơn. Pháp luật có cuộc sống như thế nào, nó được vận hành ra sao, theo cơ chế nào? Làm thế nào để biết được pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội có hiệu quả hay không?...

2. Khái niệm cơ chế điều chỉnh của pháp luật có ý nghĩa lớn về phương pháp luận. Nó giúp cho người nghiên cứu tiếp cận pháp luật từ quan điểm hệ thống. Khái niệm này cho phép người nghiên cứu tập hợp các hiện tượng, phương tiện pháp lý thành một thể thống nhất (quy phạm pháp luật - quan hệ pháp luật - sự kiện pháp lý - ý chí - chủ thể - hành vi). Nó tạo điều kiện nghiên cứu các hiện tượng pháp lý trong một trạng thái động, để từ đó thấy được điểm mạnh, điểm yếu của từng khâu và của cả cơ chế, thấy được hiệu quả điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng pháp luật.

Đây là một khái niệm phức tạp. Người ta có thể nghiên cứu từ nhiều góc độ:

- Từ góc độ chức năng, cơ chế ĐCPL là hệ thống các phương tiện pháp lý tác động đến các quan hệ xã hội thông qua chủ thể;

- Từ góc tâm lý, cơ chế ĐCPL là sự tác động đến ý chí của con người nhằm tạo ra cách xử sự thích hợp ở chủ thể;

- Từ góc độ xã hội, cơ chế ĐCPL là nằm trong cơ chế xã hội, tức cơ chế tác động của các quy phạm xã hội lên các quan hệ xã hội nhằm tạo ra một trật tự xã hội phù hợp với lợi ích của cộng đồng xã hội [3, tr.411].

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến cơ chế ĐCPL từ góc độ thứ nhất. Cũng chính vì cơ chế ĐCPL là một trong những khái niệm phức tạp của khoa học pháp lý mà hiện nay còn rất nhiều quan điểm về nó. Khi nói đến “cơ chế”, chúng ta thấy luôn được gắn liền với hoạt động của một hệ thống các bộ phận tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình hoạt động của chúng.

Vì vậy, thuật ngữ này, tự bản thân nó đã chứa đựng 2 nội dung cơ bản là *cấu trúc* của một chính thể bao gồm nhiều bộ phận khác nhau hợp thành có mối liên hệ mật thiết với nhau và *phương thức* vận hành hay *hoạt động* của chính thể đó, tức là sự tương tác giữa các bộ phận trong cấu trúc của chính thể theo những nguyên tắc và quá trình xác định nhằm đạt những kết quả nhất định.

Với hai nội dung này thì cơ chế ĐCPL có những đặc điểm sau:

- *Đặc điểm thứ nhất*, trước tiên, cơ chế ĐCPL là một hệ thống các phương tiện pháp luật có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau theo một thể thống nhất, theo một quá trình xác định, bắt đầu từ việc nắm bắt được nhu cầu cần sự điều chỉnh của pháp luật từ xã hội để xây dựng quy tắc xử sự, qua quá trình các quy tắc xử sự đó đi vào cuộc sống bằng hành vi của con người và đến đích cuối cùng là thiết lập được trật tự pháp lý ổn định, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và ý chí của nhà nước.

- *Thứ hai*, sự tác động lẫn nhau giữa các phương tiện pháp luật trong cơ chế ĐCPL được thực hiện thông qua hoạt động của các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Nói cách khác, khi bóc tách từng bộ phận của cơ chế ĐCPL chỉ nhằm làm sáng tỏ bản chất pháp luật của từng bộ phận, thấy được vai trò của chúng trong cơ chế ĐCPL. Còn trong thực tiễn, các bộ phận ấy tồn tại thông qua hoạt động của các chủ thể có liên quan. Nói đến nhà nước điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật tức là hoạt động ban hành văn bản pháp luật của nhà nước, hoạt động đảm bảo cho các chủ thể khác thực hiện quyền và nghĩa vụ đã được pháp luật xác định (vận động, khuyến khích, hoặc hoạt động ADPL), hoạt động thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể...

- *Thứ ba*, trong cơ chế ĐCPL, Nhà nước với tư cách là chủ thể ĐCPL nhưng đồng thời cũng là nhân tố đảm bảo cho cơ chế ĐCPL vận hành trên cơ sở tích cực của các chủ thể pháp luật. Điều này xuất phát từ tính được bảo đảm thực hiện bởi nhà nước của pháp luật. Nhà nước, một mặt là người khởi xướng cho sự vận hành của cơ chế ĐCPL bằng hoạt động xây dựng pháp luật của mình. Sau đó lại cũng chính nhà nước đảm bảo cho sự vận hành của cơ chế trên cơ sở của pháp luật mà nhà nước đã ban hành. Nhà nước còn khuyến khích, kích thích các chủ thể pháp luật khác tích cực, chủ động tham gia vào các quan hệ pháp luật.

3. Khi bàn về các bộ phận của cơ chế ĐCPL, các nhà khoa học pháp lý Việt Nam còn có những ý kiến không đồng nhất:

Có quan điểm cho rằng, cơ chế ĐCPL bao gồm các thành tố là quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, văn bản cá biệt, ý thức pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế và chủ thể pháp luật [6; tr.520]. Quan điểm khác đơn giản hơn, coi cơ chế ĐCPL chỉ bao gồm 3 yếu tố cơ bản là qui phạm pháp luật, chủ thể và sự kiện pháp lý [1; tr.26]. Đây cũng là quan điểm được nêu trong Từ điển bách khoa Việt Nam “*Cơ chế ĐCPL là hệ thống các biện pháp pháp luật tác động đến các quan hệ xã hội, bao gồm toàn bộ những mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các bộ phận cấu thành: chủ thể pháp luật, quy phạm pháp luật và sự kiện pháp lý*” [5, tr.590]. Thông qua đó, các bộ phận cấu thành của quá trình ĐCPL liên kết với nhau trong quan hệ pháp luật cụ thể với những quyền và nghĩa vụ cụ thể. Nếu pháp luật là một hiện tượng tĩnh, thì cơ chế ĐCPL là một trạng thái động, cho phép thấy rõ các quan hệ pháp luật được hình thành và được thực hiện như thế nào. Một nghiên cứu khác cho thấy cơ chế ĐCPL bao gồm quy phạm pháp luật, quan

hệ pháp luật, hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể và các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể [4; tr.39].

Cơ chế ĐCPL là một quá trình thực hiện sự tác động của pháp luật lên các quan hệ xã hội. Quá trình này trải qua các giai đoạn, thể hiện tính lô gíc của nó. Bởi vậy, chỉ có thể nhận diện ra các yếu tố của cơ chế này khi ta đặt chúng trong một chỉnh thể thống nhất, trong sự vận hành có chúng. Nói cách khác, việc ĐCPL sẽ được trải qua các giai đoạn sau:

- *Giai đoạn 1:* Định ra các quy phạm pháp luật (xây dựng pháp luật). Thực chất đây là giai đoạn thiết lập khuôn mẫu (mô hình hoá) cho hành vi của các chủ thể quan hệ xã hội, được thực hiện bằng việc nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó xác định quy tắc xử sự cho các chủ thể trong những hoàn cảnh, điều kiện xác định. Như vậy, yếu tố cơ bản của giai đoạn này là quy phạm pháp luật (xét về cấu trúc nội dung) và có hình thức biểu hiện cụ thể là văn bản qui phạm pháp luật (xét về hình thức biểu hiện).

Để thực hiện sự điều chỉnh đối với các quan hệ xã hội, pháp luật xác định cách thức xử sự của chủ thể trong những điều kiện và hoàn cảnh nhất định. Việc xác định đó được thể hiện ở cách thức pháp luật xác định cách xử sự của chủ thể gắn với những điều kiện và hoàn cảnh nhất định và được thể hiện trong quy phạm pháp luật. Phụ thuộc vào tính chất của quan hệ xã hội mà pháp luật sẽ xác định đó là những quy phạm bắt buộc, quy phạm cấm đoán hay là quy phạm cho phép. Trên thực tế việc triển khai chúng sẽ theo hai nguyên tắc là *“được làm tất cả những gì mà luật không cấm”* và *“chỉ được làm những gì mà luật cho phép”*, tùy thuộc các

chủ thể khác nhau mà áp dụng nguyên tắc này hay nguyên tắc kia.

- *Giai đoạn 2:* Xuất hiện các quan hệ pháp luật mà nội dung là các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể (cá biệt hoá các khuôn mẫu của hành vi trong giai đoạn đầu thành các xử sự cụ thể). Đến đây, sẽ có hai khả năng xảy ra: Thứ nhất, trên cơ sở quy phạm pháp luật quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật có thể tự phát sinh. Chẳng hạn như một công dân tuân thủ luật giao thông đường bộ bằng cách đi đúng phần đường của mình, đi đúng tốc độ, không vi phạm; Thứ hai, quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể chỉ có thể trên cơ sở một quyết định ADPL cá biệt. Ví dụ Công dân A phát sinh nghĩa vụ của mình trên cơ sở một quyết định xử phạt vi phạm giao thông...Khả năng thứ hai chỉ xảy khi các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật không thể phát sinh hoặc không mặc nhiên phát sinh nếu không có sự can thiệp của Nhà nước (cơ quan Nhà nước hoặc cá nhân được Nhà nước trao quyền). Trong khoa học pháp lý, đây được gọi là hoạt động ADPL. Điều này cho thấy sẽ có những trường hợp cơ chế ĐCPL không có giai đoạn ADPL này. Cũng chính vì vậy, nên trong một số nghiên cứu, người ta xếp giai đoạn ADPL thành một giai đoạn riêng của cơ chế ĐCPL [5; tr.411]. Tương ứng với giai đoạn này, chúng ta sẽ có các yếu tố của cơ chế ĐCPL là *quan hệ pháp luật* và *quyết định ADPL* (nếu có).

- *Giai đoạn 3:* Các chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý (giai đoạn hiện thực hoá mô hình hành vi của chủ thể). Trong giai đoạn này, tính tích cực của các chủ thể đóng vai trò hết sức quan trọng bởi vì, nếu chủ thể thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật quy định, quá trình ĐCPL sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình,

mục đích ĐCPL đã đạt được. Tuy nhiên, sẽ xảy ra khả năng ngược lại, các chủ thể vì một lý do nào đó mà không thực hiện, thực hiện không đủ hoặc không đúng những quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ (tức là vi phạm pháp luật), mục đích ĐCPL vì thế không đạt được. Trên cơ sở sự vi phạm của chủ thể, cơ chế ĐCPL có thể sẽ kéo dài hơn vì nó sẽ chuyển sang một giai đoạn khác mà trong đó vi phạm của các chủ thể đóng vai trò là sự kiện làm phát sinh quan hệ trách nhiệm pháp lý của chủ thể. Nhà nước lại can thiệp vào cơ chế này bằng văn bản ADPL truy cứu trách nhiệm pháp lý chủ thể. Sau khi chủ thể thực hiện nội dung của văn bản ADPL, cơ chế ĐCPL mới hoàn thành quá trình điều chỉnh của mình.

Cần lưu ý rằng, việc chúng ta phân chia cơ chế ĐCPL thành các giai đoạn nêu trên chỉ mang *tính tương đối* bởi các giai đoạn của quá trình ĐCPL diễn ra rất phức tạp. Sự phân chia này chỉ được đặt ra đối với một phạm vi điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh xác định của pháp luật (dân sự, kinh tế, hành chính, hình sự...). Nếu chúng ta tiếp cận ở góc độ hệ thống pháp luật, trong một tổng thể thì có thể nhận thấy là mỗi giai đoạn trong cơ chế đó có thể tồn tại như một chỉnh thể quá trình ĐCPL với những giai đoạn cụ thể. Do đó, việc xác định các giai đoạn của quá trình ĐCPL ở trên là sự khái quát hoá để rút ra một *mô thức chung* [2; tr.30], cơ bản nhất làm cơ sở cho việc nghiên cứu và làm sáng tỏ các yếu tố của cơ chế ĐCPL. Trong thực tế, các giai đoạn của quá trình ĐCPL đan xen lẫn nhau, sự kết thúc của giai đoạn này có thể là sự bắt đầu của một giai đoạn khác. Ví dụ, trong giai đoạn thứ hai, khi chủ thể tự mình cá biệt hoá các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể trên cơ sở các quy phạm pháp luật thông qua việc tham gia vào quan hệ pháp luật, các chủ thể cũng

xuất phát từ các quy phạm pháp luật để thực hiện các hành vi nhằm thiết lập các quan hệ xã hội. Hoặc khi ADPL, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trên cơ sở quy phạm pháp luật của luật thủ tục. Vậy, khi xem xét quá trình ĐCPL trong những tình huống cụ thể, bên cạnh những đặc điểm chung đã được phân tích ở trên, cần phải đặt các giai đoạn của quá trình trong hoàn cảnh xác định, với những không gian và thời gian xác định.

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy về cấu trúc nội dung, cơ chế ĐCPL sẽ bao gồm 4 yếu tố: *quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, văn bản ADPL* (nếu có) và *hành vi của chủ thể*. Các yếu tố này sẽ kết nối với nhau vận hành nhịp nhàng để đạt được kết quả cuối cùng là thiết lập một trật tự của xã hội đã được pháp luật ĐCPL (gọi là trật tự pháp luật). Sự kết nối đó không phải tự thân mà trên cơ sở những điều kiện, trong những hoàn cảnh và môi trường xác định. Chẳng hạn, trên cơ sở có quy phạm pháp luật, quan hệ xã hội chỉ có thể phát sinh nếu có các sự kiện pháp lý. Quan hệ pháp luật chỉ có thực hiện theo đúng định hướng đã được đề ra trong quy phạm pháp luật nếu như các chủ thể có ý thức pháp luật và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật theo yêu cầu của pháp chế. Bởi vậy, sự kiện pháp lý, ý thức pháp luật, pháp chế và trật tự pháp luật tuy không phải là những yếu tố cấu thành trực tiếp cơ chế ĐCPL nhưng chúng được xem là những điều kiện, môi trường, chất xúc tác và mục đích để cơ chế ĐCPL vận hành. Thật sinh động khi có sự so sánh sau [3, tr.416]: *Có thể hình dung cơ chế ĐCPL như một cỗ máy đang vận hành trong đó 4 yếu tố của nó là những bánh xe, trục quay có răng cưa hoặc dây chuyển chuyển động gắn với nhau, ý thức pháp luật là thân máy mà*

các bộ phận dựa vào, trật tự pháp luật là sản phẩm của đầu ra, pháp chế là chất dầu bôi trơn, vi phạm pháp luật là những hạt sạn và trách nhiệm pháp lý là những chất tẩy rửa giúp loại bỏ những hạt sạn để cỗ máy vận hành tốt.

Trên cơ sở phân tích trên, có thể định nghĩa *Cơ chế điều chỉnh pháp luật là một hệ thống các phương tiện pháp lý (quy phạm pháp luật, quyết định ADPL, quan hệ pháp luật, hành vi thực tế thực tế thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý), thông qua đó Nhà nước thực hiện sự tác động của pháp luật lên các quan hệ xã hội nhằm đạt các mục tiêu của sự điều chỉnh pháp luật, tạo ra trật tự pháp luật.*

Nếu cơ chế ĐCPL có yếu tố quyết định áp dụng pháp luật thì ta gọi đó là cơ chế ĐCPL phức tạp. Ngược lại ta gọi là cơ chế ĐCPL giản đơn. Có một điều là trong thực tế, đa số cơ chế ĐCPL vận hành là cơ chế phức tạp. Điều này xuất phát từ một thuộc tính đặc thù của pháp luật là pháp luật do

nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận) và bảo đảm thực hiện. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình bằng nhiều cách nhưng bằng pháp luật là cách có hiệu quả nhất, chủ yếu nhất. Nói cách khác để pháp luật “trên giấy” biến thành pháp luật “hành động” luôn luôn có sự hiện diện của nhà nước thông qua hoạt động ADPL của mình. Sự hiện diện đó vừa là sự đảm bảo chắc chắn cho sự vận hành của cơ chế phù hợp với mục đích của việc ĐCPL. Mặt khác tự bản thân hoạt động này cũng là một giai đoạn, một bộ phận của guồng máy đó, nó cũng phải tuân thủ những quy định như bất kỳ một chủ thể pháp luật khác và không ngoại lệ. Và cuối cùng, việc nghiên cứu bước đầu về cơ chế ĐCPL nói trên sẽ làm cơ sở cho việc tiếp tục nghiên cứu các yếu tố cấu thành cơ chế đó cũng như các giai đoạn vận hành của nó. Hoàn thiện cơ chế ĐCPL sẽ được bắt đầu từ chính việc hoàn thiện từng khâu của sự vận hành này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phước Hiệp, *Cơ chế điều chỉnh pháp luật trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án PTS Luật học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1996.
2. Nguyễn Quốc Hoàn, *Cơ chế điều chỉnh pháp luật Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2002.
3. Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
4. Lê Xuân Thảo, *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế ĐCPL về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận án PTS Luật học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1996.
5. Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Hà Nội, 1994.
6. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1997.